



CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN
XUẤT ĂN HOA SỮA

THỰC ĐƠN GIÁO VIÊN – PHƯỜNG LONG BIÊN
BỮA CHÍNH TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG BIÊN

Tuần 22 năm học 2025-2026
(Từ ngày 09/02/2026 đến 13/02/2026)

TT	Thứ 2 (09/02)	Thứ 3 (10/02)	Thứ 4 (11/02)	Thứ 5 (12/02)	Thứ 6 (13/02)
1	Thịt gà rang muối	Chả lá lốt	Thịt lợn hấp gừng	Cá rô cả con chiên	Bún sườn, mọc
2	Đậu nhồi thịt sốt cà chua	Nem rán giòn	Cà tím om	Trứng đúc thịt	
3	Củ quả luộc	Miến xào rau củ	Đỗ xanh xào tỏi	Cải bắp luộc	
4	Canh cải bắp nấu thịt	Canh cải ngọt nấu thịt	Canh cải cúc nấu thịt	Canh bí xanh nấu tôm nõn	
5	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG


P. HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Ngọc Hà

ĐẠI DIỆN CÔNG TY HOA SỮA


PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Vân

CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN XUẤT ĂN HOA SỮA

THỰC ĐƠN BÁN TRÚ TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG BIÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Suất ăn 35.000đ trên một suất và quà chiều

Thực đơn tuần 22 (từ ngày 09/02/2026 đến 12/02/2026)

Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống/hs	ĐG/Kg	Thành tiền	TP chín/hs	Kcal	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
									Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 2 (09/02)	Thịt gà sốt chua ngọt	Thịt gà file	gram	90	95,000	8,550	60-65	150.0	Chất đốt	1,200	
	Trứng kho mắm	Trứng gà	quả	1	3,050	3,050	40-45	80.0	Nhân công	4,500	
	Su su xào cà rốt	Su su gọt vỏ, cà rốt	gram	90	25,000	2,250	50-55	35.0	Lãi dự kiến	600	
	Canh cải bắp nấu thịt	Bắp cải	gram	28	25,000	700	220-240	20.0	Phí quản lý	300	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280			NRB+ N.lau sàn	150	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	250-300	370.0	Khấu hao	300	
	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000		45.0	Nước sạch	150	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					3,000			VAT	2,600	
	Cộng thứ 2					25,230		700.0		9,800	35,030
Thứ 3 (10/02)	Thịt bò hầm củ quả	Thịt bò	gram	50	240,000	12,000	60-65	130.0	Chất đốt	1,200	
		Khoai tây, cà rốt	gram	40	30,000	1,200			Nhân công	4,500	
	Đậu non sốt nấm	Đậu non	gram	65	40,000	2,600	55-60	65.0	Lãi dự kiến	600	
	Giá đỗ, cà rốt xào	Giá đỗ, cà rốt	gram	65	25,000	1,625	45-50	25.0	Phí quản lý	300	
	Canh cải ngọt nấu thịt	Cải ngọt	gram	28	25,000	700	220-240	25.0	NRB+ N.lau sàn	150	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280			Khấu hao	300	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	250-300	370.0	Nước sạch	150	
	Bánh gato Hoa Sữa	Bánh gato Hoa Sữa	bánh	1	4,500	4,500		116.0	VAT	2,600	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					1,000					
	Cộng thứ 3					26,305		731.0		9,800	36,105
Thứ 4 (11/02)	Thịt lợn kho tàu	Thịt lợn	gram	80	140,000	11,200	55-60	130.0	Chất đốt	1,200	
	Gà file xào rau củ	Gà file	gram	20	95,000	1,900	40-45	55.0	Nhân công	4,500	
		Đỗ cove	gram	15	30,000	450			Lãi dự kiến	600	
		Cà rốt	gram	7	25,000	175			Phí quản lý	300	
		Ngô ngọt hạt	gram	13	80,000	1,040			NRB+ N.lau sàn	150	
	Dưa hấu	Dưa hấu	gram	80	25,000	2,000	70-75	25.0	Khấu hao	300	
	Canh cải cúc nấu thịt	Cải cúc	gram	28	25,000	3,500	220-240	25.0	Nước sạch	150	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280			VAT	2,600	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	250-300	370.0			
	Sữa chua Vinamilk	Sữa chua Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000		64.0			
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					1,000					
	Cộng thứ 4					28,945		669.0		9,800	38,745

Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống/hs	ĐG/Kg	Thành tiền	TP chín/hs	Kcal	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
									Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 5 (12/02)	Cá rô file chiên giòn	Cá rô phi file	gram	65	105,000	6,825	50-52	150.0	Chất đốt	1,200	
	Đậu sốt cà chua	Đậu phụ	gram	70	25,000	1,750	60-65	170.0	Nhân công	4,500	
		Cà chua	gram	10	30,000	300			Lãi dự kiến	600	
	Bắp cải xào	Bắp cải	gram	90	25,000	2,250	50-55	25.0	Phí quản lý	300	
	Canh bí xanh nấu tôm nõn	Bí xanh	gram	28	25,000	700	220-240	20.0	NRB+ N.lau sàn	150	
		Tôm nõn khô	gram	0.5	600,000	300			Khấu hao	300	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	250-300	370.0	Nước sạch	150	
	Bánh Gibon bơ sữa	Bánh Gibon bơ sữa	bánh	1	3,500	3,500		60.0	VAT	2,600	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					4,000					
	Cộng thứ 5					22,025		795.0		9,800	31,825
Thứ 6 (13/02)	Cơm rang thập cẩm	Thịt lợn	gram	12	140,000	1,680	350-360	520.0	Chất đốt	1,200	
		Chả nạc	gram	10	130,000	1,300			Nhân công	4,500	
		Xúc xích	gram	15	160,000	2,400			Lãi dự kiến	600	
		Cà rốt	gram	8	25,000	200			Phí quản lý	300	
		Ngô ngọt hạt	gram	12	80,000	960			NRB+ N.lau sàn	150	
		Đỗ cove	gram	15	30,000	450			Khấu hao	300	
		Trứng gà	gram	15	65,000	975			Nước sạch	150	
		Gạo tẻ	gram	130	20,000	2,600			VAT	2,600	
	Dưa hấu	Dưa hấu	gram	80	25,000	2,000	60-65	20.0			
	Khoai tây chiên chấm tương cà	Tương cà	gram	20	50,000	1,000	18-20	40.0			
		Khoai tây	gram	90	30,000	2,700	30-35	105.0			
	Canh cải bắp nấu thịt	Bắp cải	gram	28	25,000	700	220-240	20.0			
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280					
	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000		45.0			
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					3,000					
	Cộng thứ 6					25,245		750.0		9,800	35,045

